

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY**

Số: 152 /GPMT-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thị xã Cai Lậy, ngày 03 tháng 10 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP. Hồ Chí Minh - Co.opmart Cai Lậy tại Văn bản số 122/CV-CLAY ngày 10 tháng 8 năm 2023 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở Siêu thị Co.opmart Cai Lậy;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Cai Lậy tại Tờ trình số 2078/TTr-PTNMT ngày 02/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP. Hồ Chí Minh - Co.opmart Cai Lậy, địa chỉ tại số 79 đường 30/4, khu phố 2, phường 1, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Siêu thị Co.opmart Cai Lậy” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: “Siêu thị Co.opmart Cai Lậy”.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 79 đường 30/4, khu phố 2, phường 1, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh hợp tác xã số 0301175691-039 đăng ký lần đầu, ngày 24/11/2017; đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 06/01/2023.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng, quản lý, vận hành và kinh doanh một trung tâm mua sắm hiện đại.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

Cơ sở nhóm B, có tổng vốn đầu tư 124.000.000.000 đồng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP. Hồ Chí Minh - Co.opmart Cai Lậy

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP. Hồ Chí Minh - Co.opmart Cai Lậy có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày ký quyết định cấp phép).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chi nhánh Liên Hiệp HTX Thương mại TP. Hồ Chí Minh - Co.opmart Cai Lậy;
- Phòng TN&MT;
- UBND phường 1;
- Cổng thông tin điện tử UBND thị xã Cai Lậy;
- Lưu: VT

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Bảo Ngoan

Phụ lục 1

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ
NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 152/GPMT-UBND ngày 02...tháng 10...
năm 2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Cai Lậy)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nguồn số 01: Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên và khách hàng.

Nguồn số 02: Nước thải từ khu chế biến bếp, quây cá, tủ trữ lạnh, Jollibee, quây cà phê Hoa Lan, trà sữa Happybill, quây Yellow...

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước chung của thị xã Cai Lậy trên đường Tứ Kiệt.

2.2. Vị trí xả nước thải: Tọa độ vị trí xả thải (VN2000, 105045', 60): X (m) = 1150665; Y(m) = 540331.

2.3. Lưu lượng xả nước thải: 50 m³/ngày.đêm

2.3.1. Phương thức xả nước thải: chảy tràn.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT), cột B, cụ thể như sau:

Giá trị $C_{max} = C \times K$

+ Trong đó giá trị C được quy định tại cột B:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B
1	pH		5 - 9
2	BOD ₅ 20°C	mg/L	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	1000
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	4,0
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	50

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/L	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100mL	5.000

+ Hệ số K được xác định dựa trên các quy định tại QCVN 14:2008/BTNMT.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

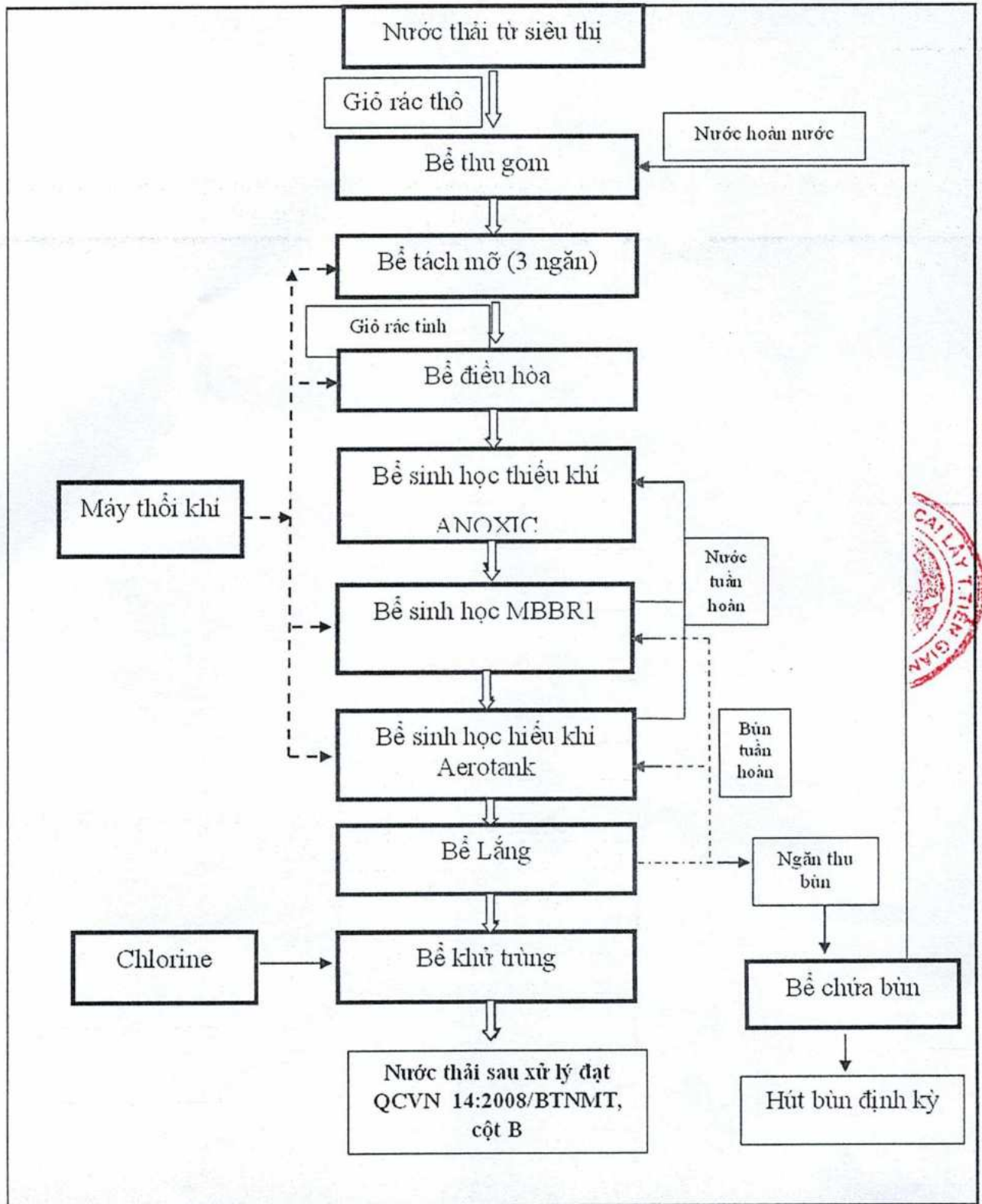
1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên, khách hàng: được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn; sau đó được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở. Nước thải chế biến thịt cá và bếp ăn sẽ được thu gom trực tiếp về hồ thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Siêu thị đã có xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 50 m³/ngày đêm. Cơ sở cam kết xử lý nước thải phát sinh đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B. Vị trí xả nước thải sau hệ thống xử lý tập trung là cống thoát nước nằm trên đường Tứ Kiệt.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Sơ đồ quy trình xử lý nước thải (công suất 50 m³/ngày đêm)



2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

PHỤ LỤC 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 15.2/GPMT-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Cai Lậy)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	16
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	6
3	Pin, ắc quy thải	1
4	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị có các linh kiện điện tử	0
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	7
6	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	0
7	Bao bì mềm thải	2
8	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	1
9	Bao bì cứng thải bằng nhựa	0
10	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (composite...)	0
11	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	0
12	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	2
Tổng số lượng:		35

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường: phát sinh từ cơ sở bao gồm bao bì, bao nilong, carton, kim loại, giấy có thể tái chế hoặc bán phế liệu,... phát sinh khoảng 130 kg/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 100kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: trang bị các thùng chứa để thu gom, lưu giữ riêng từng loại đúng theo mã chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa: bố trí kho chứa diện tích 5m^2 ; kho chứa đảm bảo đúng theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

Kho lưu chứa: có diện tích khoảng $17,3\text{ m}^2$; kho chứa đảm bảo theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: trang bị các thùng rác có nắp đậy.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: bố trí kho chứa 9 m^2 để các thùng chứa rác thải sinh hoạt.

3. Biện pháp thu gom, xử lý chất thải:

Chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở phải được quản lý (thu gom, phân loại, lưu giữ, tái sử dụng, chuyển giao,...) đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

Sự cố cháy nổ:

Xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định; tổ chức triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt.

**PHỤ LỤC 3****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 152../GPMT-UBND ngày 02...tháng 10...
năm 2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Cai Lay)

Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, công trình, biện pháp bảo vệ môi trường được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã đăng ký; thực hiện đầy đủ nội dung trong bản báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.